

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 46/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 15/8/2022
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thi
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn

Thanh Kỳ - chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2022. Về tranh chấp “*ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa :

Nguyên đơn: Bà **Thị T**, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ : Tổ 5, ấp 5, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông **Điều H** - sinh năm 1989 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ : Tổ 5, ấp 5, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Điều H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi chung sống với **anh Điều H** chúng tôi quen nhau thời gian khoảng một năm . Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm, không hiểu nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay .Hiện nay tôi làm đơn xin ly hôn với anh Điều H.

- Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung cháu Điều Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 08/01/2013 và Điều Minh Tuấn, sinh ngày 23/11/2016, khi ly hôn bà T nhận nuôi con, không yêu cầu anh Hôn cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra vợ chồng bà T không nhận ai làm con nuôi, hiện nay bà T không có thai .

- Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ : Hiện nay vợ chồng không nợ ai, và vợ chồng cũng không cho ai vay nợ.

Bị đơn ông Điều H trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai của ông Điều H vào ngày 07/7/2022 tại Trại giam An Phước .

- Ông Điều H xác nhận về thời gian chung sống với bà Thị T, hiện nay vợ chồng sống vẫn còn hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung cháu Điều Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 08/01/2013 và Điều Minh Tuấn, sinh ngày 23/11/2016, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Điều H đồng ý để bà Thị T nuôi con. Ông Điều H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt đúng theo quy định của pháp luật.

Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị T .

- Về hôn nhân: Cho bà Thị T được ly hôn với ông Điều H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Điều Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 08/01/2013 và Điều Minh Tuấn, sinh ngày 23/11/2016, cần giao cho bà Thị T nuôi con bà T không yêu cầu ông Điều H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Điều H, ông Điều H có hộ khẩu tại ấp 5, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt ; Bị đơn ông có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy thời gian chung sống giữa Thị T và ông Điều H có thời gian chung sống từ năm 2012, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường cãi nhau làm cho gia đình không còn hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án bà Thị T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn xảy ra từ năm 2016 và nhiều năm sau, hiện nay vợ chồng đã ly thân, ông Điều H đang chấp hành án tại trại giam An Phước.

Hội đồng xét xử nhận định; bà Thị Thuyền và ông Điều H có thời gian chung sống từ năm 2012, trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng ly thân từ 2016, tại phiên tòa bà Thị T cương quyết xin được ly hôn vì lý do hiện nay ông Điều H đang chấp hành án 17 năm tù nên bà không chờ được nữa, xét tình trạng hôn nhân giữa bà Thị T và ông Điều H đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Thị T ly hôn với ông Điều H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Điều Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 08/01/2013 và Điều Minh Tuấn, sinh ngày 23/11/2016, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Điều H đồng ý để bà Thị T nuôi con khi ly hôn bà T nhận nuôi không yêu cầu ông Điều H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

[6] Về nợ chung: Không có.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phù hợp với nhận xét của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy bà Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng : Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị T

- Bà Thị T được ly hôn với ông Điều H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự như sau : Giao cháu Điều Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 08/01/2013 và Điều Minh Tuấn, sinh ngày 23/11/2016, cho bà Thị T nuôi, bà T không yêu cầu ông Hôn cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con .

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

4. Về nợ : Không có .

5. Về án phí: Bà **Thị** T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0009912 ngày 22/6/2022.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thi